

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ ngành công nghiệp môi trường”, mã số: KC.06/21-30**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN ngày 12/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia;*

*Thực hiện Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 tại Công văn số 1066/TTg- KGVX ngày 05/8/2021;*

*Thực hiện Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030: “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ ngành công nghiệp môi trường” (sau đây gọi tắt là Chương trình), mã số: KC.06/21-30. Mục tiêu, nội dung, dự kiến sản phẩm, yêu cầu đối với sản phẩm khoa học và chỉ tiêu đánh giá của Chương trình quy định tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Cơ chế quản lý và tài chính của Chương trình được thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Ban Chủ nhiệm Chương trình, Giám đốc Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban KHCNMT của Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Lưu VT, KHTC.

**Trần Văn Tùng**



## PHỤ LỤC

Mục tiêu, nội dung, dự kiến sản phẩm, yêu cầu đối với sản phẩm khoa học và chỉ tiêu đánh giá của chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ ngành công nghiệp môi trường”, mã số: KC.06/21-30

(Kèm theo Quyết định số 1251/QĐ-BKH-CN ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

### I. Mục tiêu

1. Ứng dụng và phát triển được các công nghệ tiên tiến xử lý, tái chế chất thải, quan trắc môi trường phù hợp với điều kiện của Việt Nam và xu hướng của thế giới.
2. Làm chủ và phát triển được công nghệ chế tạo thiết bị, phương tiện, sản phẩm phục vụ xử lý chất thải, bảo vệ môi trường đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.
3. Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghiệp môi trường sản xuất thiết bị, phương tiện và sản phẩm bảo vệ môi trường quy mô công nghiệp để thay thế nhập khẩu.

### II. Nội dung

1. Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại; công nghệ tái chế chất thải phù hợp với điều kiện của Việt Nam.
2. Nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ tiên tiến sản xuất sản phẩm, chế phẩm phục vụ giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải, cải tạo và khắc phục sự cố về môi trường.
3. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển, phân loại, xử lý chất thải; tái chế, tái sử dụng chất thải phù hợp với điều kiện Việt Nam.
4. Nghiên cứu phát triển, chế tạo thiết bị phân tích, quan trắc môi trường; sử dụng, tích hợp các công nghệ số trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các hệ thống quan trắc, giám sát, cảnh báo tự động.
5. Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sản xuất thiết bị, phương tiện và sản phẩm bảo vệ môi trường quy mô công nghiệp.

### III. Dự kiến sản phẩm

1. Các quy trình công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, thân thiện môi trường trong xử lý, tái chế chất thải, gồm:
  - Công nghệ xử lý nước thải chứa các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân huỷ



và các chất nguy hại khác, khí thải có các thành phần độc hại, chất thải rắn và chất thải nguy hại;

- Công nghệ tái chế, thu hồi các thành phần có ích trong chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải và khí thải công nghiệp;

- Công nghệ sản xuất sản phẩm, chế phẩm giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải, cải tạo môi trường.

2. Bộ tài liệu thiết kế, quy trình công nghệ chế tạo: thiết bị, phương tiện chuyên dụng thu gom, vận chuyển, phân loại, xử lý, tái chế chất thải, chất thải nguy hại; thiết bị lấy mẫu, đo, phân tích, quan trắc môi trường.

3. Các thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển, phân loại, xử lý, tái chế chất thải, chất thải nguy hại.

4. Các máy, thiết bị lấy mẫu, đo, phân tích, quan trắc môi trường.

5. Các dây chuyền thiết bị xử lý, tái chế chất thải, chất thải nguy hại.

6. Các sản phẩm, chế phẩm sử dụng trong giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải, cải tạo môi trường; sản phẩm được thu hồi, sản xuất từ chất thải.

#### **IV. Yêu cầu đối với sản phẩm khoa học**

Giải pháp, quy trình công nghệ, sản phẩm, thiết bị được tạo ra có tính năng kỹ thuật, kiểu dáng, chất lượng tương đương, có thể cạnh tranh được với các công nghệ, sản phẩm cùng loại của các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới.

#### **V. Chỉ tiêu đánh giá**

1. Về ứng dụng vào thực tiễn:

- 80% công nghệ, sản phẩm tạo ra có tính năng kỹ thuật, chất lượng tương đương với công nghệ, sản phẩm cùng loại của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

- 50% số nhiệm vụ có kết quả được ứng dụng, trong đó 20% số nhiệm vụ có kết quả có khả năng thương mại hóa.

2. Về trình độ khoa học:

- 100% số nhiệm vụ có kết quả được công bố trên các tạp chí khoa học thuộc Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành được phê duyệt theo Quyết định của Hội đồng giáo sư nhà nước.

- Ít nhất 30% số nhiệm vụ có bài báo quốc tế đăng trên các tạp chí thuộc danh mục Web of Science/Scopus.

3. Về sở hữu trí tuệ:

- Ít nhất 50% số nhiệm vụ có đơn đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích) được chấp nhận, trong đó 20% số nhiệm vụ có bằng độc quyền sáng chế hoặc giải pháp hữu ích được công nhận.

4. Về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực:

- 80% số nhiệm vụ có tham gia đào tạo sau đại học, trong đó 20% số nhiệm vụ có tham gia đào tạo tiến sĩ.

5. Về cơ cấu nhiệm vụ:

- 50% số nhiệm vụ có doanh nghiệp tham gia thực hiện.
- 20% số nhiệm vụ do doanh nghiệp chủ trì thực hiện./

---

DNV